



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TẢI**



an independent member of
**BAKER TILLY
INTERNATIONAL**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	15 - 40

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghiệp và vận tải là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty TNHH một thành viên đầu tư phát triển công nghiệp và vận tải theo Quyết định số 31/2Đ-ĐTKDV.HĐTV ngày 11 tháng 12 năm 2012 của Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300482393, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 5 năm 2007 và thay đổi lần thứ 06 ngày 29 tháng 8 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước	53.391.060.000	68,014
Các cổ đông khác	25.108.940.000	31,986
Cộng	78.500.000.000	100,000

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : 89 Cách mạng tháng tám, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (08). 38 330 314

Fax : (08). 38 330 317

Mã số thuế : 0300482393

Đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghiệp và vận tải tại TP. Đà Nẵng	24 Tôn Đức Thắng, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Thi công xây dựng công trình giao thông;
- Dịch vụ phân tích các chỉ tiêu về môi trường, nông sản, thực phẩm và sản phẩm công nghệ;
- Bán buôn thủy sản (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột (không bán buôn đường tại trụ sở);
- Nghiên cứu triển khai ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực môi trường và thực phẩm. Tư vấn môi trường. Tư vấn đầu tư phát triển giao thông vận tải (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật). Dịch vụ tư vấn phân tích môi trường;
- Bán buôn đồ điện da dụng, đèn và bộ đèn điện;
- Lắp đặt hệ thống xử lý môi trường (nước, khí, chất thải rắn);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp). Bán buôn hóa chất nông nghiệp. Mua bán bột giấy và giấy;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế biến vệ sinh (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn sắt, thép;
- Dạy nghề;



- Kinh doanh vận tải hành khách bằng đường bộ;
- Mua bán máy tính và đầu tư phát triển tin học;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa, Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: dịch vụ giữ xe, đại lý bán vé máy bay;
- Đầu tư kết cấu cơ sở hạ tầng công nghiệp;
- Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi;
- Sản xuất mua bán vật liệu xây dựng;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh lĩnh vực nội địa, quốc tế;
- Mua bán vật tư, vật liệu, máy móc, thiết bị phụ tùng; điện tử; phương tiện giao thông vận tải;
- Đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài;
- Đào tạo lái xe; lái máy thi công, công nhân cơ khí sửa chữa thiết bị công trình;
- Sản xuất bột giấy và giấy;
- Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá và sản giao dịch bất động sản);
- Thi công xây lắp điện dân dụng và hạ thế;
- Kinh doanh khách sạn (được công nhận xếp hạng từ 01 sao trở lên).

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước đã có quyết định số 783/QĐ – ĐTKDV về việc bán toàn bộ số cổ phần đang nắm giữ là 5.339.106 cổ phần tại Công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghiệp và vận tải với tổng số vốn cổ phần theo mệnh giá là 53.391.060.000 VND.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 40).

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2013 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 04 tháng 7 năm 2014 của như sau:

	Số tiền (VND)
Trích quỹ đầu tư phát triển	389.767.011
Trích quỹ dự phòng tài chính	194.883.506
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	584.650.518
Chia cổ tức	2.728.369.082
Cộng	<u>3.897.670.117</u>

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 27 tháng 3 năm 2015, Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) đã hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng toàn bộ cổ phần đang nắm giữ tại Công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghiệp và vận tải cho nhà đầu tư là Ông Ưông Huy Giang.

Ngoài sự kiện nêu trên, Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

530044
CÔNG
CH NHIỆ
TOÁN
A &
TGH-TP

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TẢI
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Diệu	Chủ tịch	27 tháng 3 năm 2013	-
Ông Phan Thanh Nam	Thành viên	27 tháng 3 năm 2013	-
Ông Lê Chí Thành	Thành viên	27 tháng 3 năm 2013	-
Ông Lê Hồng Nguyễn	Thành viên	27 tháng 3 năm 2013	-
Ông Nguyễn Tích Phương	Thành viên	27 tháng 3 năm 2013	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Bảy	Trưởng Ban	27 tháng 3 năm 2013	-
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên	27 tháng 3 năm 2013	-
Ông Đào Quý Phúc	Thành viên	27 tháng 3 năm 2013	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Chí Thành	Tổng Giám đốc	04 tháng 4 năm 2013	-
Ông Hà Ngọc Văn	Phó Tổng Giám đốc	13 tháng 5 năm 2013	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

9815.12
C
HỒ CHÍ MINH
C
HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TÀI
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghiệp và vận tải tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị, 



Lê Chí Thành

Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày 07 tháng 4 năm 2015





Số: 0508/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TẢI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghiệp và vận tải (sau đây gọi tắt là Công ty), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2015, từ trang 08 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Năm nay Công ty đã kết chuyển khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang của "Dự án trung tâm kiểm nghiệm nước và thực phẩm Lotus" với số tiền là 1.011.557.881 VND vào kết quả hoạt động kinh doanh. Dự án này đã không còn thực hiện cũng như không thể thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ năm trước nhưng Công ty đã không xử lý kịp thời. Nếu khoản chi phí này được xử lý đúng niên độ thì lợi nhuận năm 2013 sẽ giảm xuống và lợi nhuận năm 2014 sẽ tăng lên với cùng một khoản là 1.011.557.881 VND.



Các khoản công nợ phải thu khách hàng và người mua trả tiền trước đối với Tổng Công ty giấy Việt Nam liên quan đến các hạng mục xây dựng gói thầu số 15 thuộc dự án Nhà máy bột giấy Phương Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 với số tiền lần lượt là 6.224.832.778 VND và 5.720.025.059 VND chưa được đối chiếu xác nhận do Tổng Công ty giấy Việt Nam đang chờ đơn vị kiểm toán độc lập xác nhận khối lượng nghiệm thu của các hạng mục này.

Chúng tôi chưa được cung cấp bằng chứng kiểm toán đầy đủ thích hợp về khoản lợi nhuận năm nay được chia từ Công ty taxi Việt Nam với số tiền là 3.020.325.968 VND (xem thuyết minh V.6 và VI.3).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghiệp và vận tải tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2013-008-1

Hoàng Thu Huyền - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1257-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TÀI

Địa chỉ: 89 Cách mạng tháng tám, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		122.169.979.575	133.398.369.392
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.990.344.535	3.628.805.166
1. Tiền	111		3.751.477.335	2.389.937.966
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.238.867.200	1.238.867.200
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.089.046.440	12.110.996.440
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	1.377.735.640	12.377.735.640
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(288.689.200)	(266.739.200)
III. Các khoản phải thu	130		51.415.748.192	57.705.399.306
1. Phải thu của khách hàng	131	V.4	29.474.303.672	47.813.265.344
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	4.725.573.749	5.987.773.749
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	21.956.767.313	6.463.516.155
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.7	(4.740.896.542)	(2.559.155.942)
IV. Hàng tồn kho	140		43.848.083.023	43.993.537.905
1. Hàng tồn kho	141	V.8	43.924.836.223	44.070.291.105
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(76.753.200)	(76.753.200)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.826.757.385	15.959.630.575
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	168.067.907
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.317.853.621	490.036.835
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	1.245.681.937	1.373.051.347
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	17.263.221.827	13.928.474.486

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TÀI

Địa chỉ: 89 Cách mạng tháng tám, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		30.896.015.161	42.838.455.140
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.537.415.880	4.188.178.805
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	2.099.350.792	2.869.646.745
<i>Nguyên giá</i>	222		8.290.194.769	8.962.475.769
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(6.190.843.977)	(6.092.829.024)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	105.000.000	133.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		179.622.500	179.622.500
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(74.622.500)	(46.622.500)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	2.333.065.088	1.185.532.060
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		22.791.921.858	34.781.860.041
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.15	23.933.945.883	35.923.884.066
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	V.16	(1.142.024.025)	(1.142.024.025)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.566.677.423	3.868.416.294
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	2.316.677.423	2.618.416.294
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.18	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.19	1.250.000.000	1.250.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		153.065.994.736	176.236.824.532

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TẢI

Địa chỉ: 89 Cách mạng tháng tám, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		75.188.445.902	93.839.154.415
I. Nợ ngắn hạn	310		71.046.275.043	83.138.706.968
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.20	3.351.746.910	6.440.562.000
2. Phải trả người bán	312	V.21	14.557.650.169	11.617.634.074
3. Người mua trả tiền trước	313	V.22	19.695.933.351	22.156.332.486
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.23	2.472.197.441	2.472.497.441
5. Phải trả người lao động	315	V.24	761.542.532	870.998.416
6. Chi phí phải trả	316	V.25	2.456.016.654	3.525.526.710
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.26	27.751.187.986	36.055.063.756
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	-	92.085
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		4.142.170.859	10.700.447.447
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.28	4.142.170.859	10.700.447.447
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		77.877.548.834	82.397.670.117
I. Vốn chủ sở hữu	410		77.877.548.834	82.397.670.117
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.29	78.500.000.000	78.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.29	389.767.011	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.29	194.883.506	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.29	(1.207.101.683)	3.897.670.117
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		153.065.994.736	176.236.824.532

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TÀI

Địa chỉ: 89 Cách mạng tháng tám, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số	
		cuối năm	đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		10.865.430.489	10.865.430.489
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		781,30	741,65
Euro (EUR)		616,75	616,75
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2015



Nguyễn Văn Bắc
Người lập biểu



Lê Hồng Nguyễn
Kế toán trưởng



Lê Chí Thành
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TÀI

Địa chỉ: 89 Cách mạng tháng tám, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	76.990.436.664	74.126.949.739
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	93.185.000	27.299.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	76.897.251.664	74.099.650.739
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	74.892.461.551	73.281.871.946
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.004.790.113	817.778.793
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9.854.647.950	12.631.576.120
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.200.133.230	1.559.339.826
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	11.596.739.540	6.835.647.441
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(937.434.707)	5.054.367.646
11. Thu nhập khác	31	VI.6	741.890.923	352.296.169
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.011.557.899	1.508.993.698
13. Lợi nhuận khác	40		(269.666.976)	(1.156.697.529)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.207.101.683)	3.897.670.117
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.23	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(1.207.101.683)</u>	<u>3.897.670.117</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>(154)</u>	<u>497</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2015


 Nguyễn Văn Bắc
 Người lập biểu


 Lê Hồng Nguyễn
 Kế toán trưởng


 Lê Chí Thành
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TÀI

Địa chỉ: 89 Cách mạng tháng tám, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(1.207.101.683)	3.897.670.117
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.12, V.13	798.295.953	782.651.348
- Các khoản dự phòng	03	V.3, V.7	2.203.690.600	65.614.301
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3, VI.4	(3.186.251)	294.964.960
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.6	(9.887.664.492)	(12.591.272.857)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(8.095.965.873)	(7.550.372.131)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.070.529.290	(74.956.180.545)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		591.764.254	(43.411.154.736)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.229.723.814)	115.734.983.482
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.481.364.659	(1.628.195.731)
- Tiền lãi vay đã trả	13	VIII.3	(446.309.372)	(659.136.369)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.571.418.340	1.511.793.136
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(4.680.961.213)	(820.626.568)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6.737.883.729)	(11.778.889.462)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.14, VII	(721.890.909)	(328.130.751)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.6	103.181.818	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.000.000.000)	(11.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		13.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	18.022.710.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6, VI.3	6.414.824.634	5.240.881.127
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		16.796.115.543	11.935.460.376

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TÀI

Địa chỉ: 89 Cách mạng tháng tám, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.28	5.043.000.000	10.687.497.500
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.20	(3.088.815.090)	(7.203.474.500)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.26, V.29	(10.649.810.080)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(8.695.625.170)</u>	<u>3.484.023.000</u>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50		1.362.606.644	3.640.593.914
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	3.628.805.166	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.067.275)	(11.788.748)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>4.990.344.535</u>	<u>3.628.805.166</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2015


Nguyễn Văn Bắc
Người lập biểu


Lê Hồng Nguyễn
Kế toán trưởng



Lê Chí Thành
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TẢI

Địa chỉ: 89 Cách mạng tháng tám, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất – Xây dựng – Thương mại – Dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Thi công xây dựng công trình giao thông, công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi; Kinh doanh lữ hành, nội địa, quốc tế; Mua bán vật tư, vật liệu, máy móc, thiết bị phụ tùng, điện tử, phương tiện giao thông vận tải; Đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 70 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 53 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước đã có quyết định số 783/QĐ – ĐTKDV về việc bán toàn bộ số cổ phần đang nắm giữ là 5.339.106 cổ phần tại Công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghiệp và vận tải với tổng số vốn cổ phần theo mệnh giá là 53.391.060.000 VND.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TẢI

Địa chỉ: 89 Cách mạng tháng tám, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các Thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các Thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình xây dựng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tồn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TÀI

Địa chỉ: 89 Cách mạng tháng tám, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 15
Máy móc và thiết bị	03 – 09
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có phần mềm máy tính.

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các dự án chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TÀI

Địa chỉ: 89 Cách mạng tháng tám, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty TNHH một thành viên đầu tư phát triển công nghiệp và vận tải. Lợi thế kinh doanh được phân bổ trong 05 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa đã hoàn thành và đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

0449
ÔNG
NHỆM
DAN VÀ
1 &
T.P.V

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TÀI

Địa chỉ: 89 Cách mạng tháng tám, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty chỉ có vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15-C
TY
400K
TU V
C
50K

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TÀI

Địa chỉ: 89 Cách mạng tháng tám, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2014: 21.368 VND/USD
25.845 VND/EUR
31/12/2013 : 21.083 VND/USD
28.976 VND/EUR

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TÀI

Địa chỉ: 89 Cách mạng tháng tám, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua tài sản tài chính đó.

19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TÀI

Địa chỉ: 89 Cách mạng tháng tám, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	457.541.709	370.418.348
Tiền gửi ngân hàng	3.293.935.626	2.019.519.618
Các khoản tương đương tiền (*)	1.238.867.200	1.238.867.200
Cộng	4.990.344.535	3.628.805.166

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

10/05
C
TRÁCH
KIỂM
V. GIỚI

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TÀI

Địa chỉ: 89 Cách mạng tháng tám, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		1.377.735.640		1.377.735.640
Công ty cổ phần bảo hiểm dầu khí	7.654	120.933.200	7.654	120.933.200
Công ty cổ phần nhiệt điện Bà Rịa	5.000	53.000.000	5.000	53.000.000
Công ty cổ phần dược phẩm Vinapham	14.400	445.939.200	14.400	445.939.200
Công ty cổ phần cơ khí An Giang	33.833	451.655.840	33.833	451.655.840
Công ty cổ phần Viễn Liên	6.239	41.177.400	6.239	41.177.400
Công ty cổ phần cảng Đoàn Xá	4.500	214.650.000	4.500	214.650.000
Công ty cổ phần Đạm Phú Mỹ	1.000	45.900.000	1.000	45.900.000
Công ty cổ phần vật tư kỹ thuật Cần Thơ	800	4.480.000	800	4.480.000
Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 01 năm		-		11.000.000.000
Cộng		1.377.735.640		12.377.735.640

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	266.739.200	-
Số nhận bàn giao	-	384.894.600
Hoàn nhập theo kết quả thẩm định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần	-	(384.894.600)
Trích lập dự phòng bổ sung	21.950.000	266.739.200
Số cuối năm	288.689.200	266.739.200

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu hoạt động thương mại	1.689.801.715	422.138.954
Phải thu hoạt động dịch vụ	-	40.177.400
Phải thu hoạt động xây lắp, thi công công trình	20.782.595.881	40.349.042.914
Phải thu Tổng Công ty giấy Việt Nam – giá trị thị công Nhà máy bột giấy Phương Nam	7.001.906.076	7.001.906.076
Cộng	29.474.303.672	47.813.265.344

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước nhà cung cấp hoạt động thương mại	3.351.300.000	4.613.500.000
Trả trước nhà cung cấp hoạt động xây dựng	155.444.869	155.444.869
Trả trước nhà cung cấp liên quan đến dự án Nhà máy bột giấy Phương Nam	1.218.828.880	1.218.828.880
Cộng	4.725.573.749	5.987.773.749

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TẢI

Địa chỉ: 89 Cách mạng tháng tám, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kỳ quỹ thuê nhà	110.000.000	110.000.000
Cổ tức và lợi nhuận được chia ⁽¹⁾	19.344.292.223	3.984.696.000
Phải thu khoản cho Công ty taxi Việt Nam mượn	1.647.000.000	1.647.000.000
Phải thu tiền cấp vốn cho đội thi công	152.617.914	412.574.231
Phải thu khác	702.857.176	309.245.924
Cộng	21.956.767.313	6.463.516.155

⁽¹⁾ Trong đó, lợi nhuận các năm trước được chia từ Công ty taxi Việt Nam do không tăng vốn điều lệ là 11.989.938.183 VND (xem thuyết minh số V.15) và khoản lợi nhuận năm nay được chia từ Công ty taxi Việt Nam là 3.020.325.968 VND.

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Chi tiết bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng các khoản phải thu khách hàng	1.813.623.942	1.813.623.942
Dự phòng các khoản trả trước cho người bán	745.532.000	745.532.000
Dự phòng các khoản tạm ứng cho đội thi công	2.181.740.600	-
Cộng	4.740.896.542	2.559.155.942

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.559.155.942	-
Số nhận bàn giao	-	2.952.786.714
Trích lập dự phòng bổ sung	2.181.740.600	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(393.630.772)
Số cuối năm	4.740.896.542	2.559.155.942

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	153.532.355	160.936.446
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	34.268.932.412	34.043.009.511
Hàng hóa	9.502.371.456	9.866.345.148
Cộng	43.924.836.223	44.070.291.105

9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá nguyên vật liệu tồn kho.

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	197.840.200	322.209.610
Thuế trên vốn nộp thừa	1.047.841.737	1.047.841.737
Các loại thuế khác	-	3.000.000
Cộng	1.245.681.937	1.373.051.347

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TẢI

Địa chỉ: 89 Cách mạng tháng tám, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	14.958.166.407	12.183.403.634
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	2.305.055.420	1.745.070.852
Cộng	<u>17.263.221.827</u>	<u>13.928.474.486</u>

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	2.494.121.000	2.446.689.650	3.822.269.653	199.395.466	8.962.475.769
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(672.281.000)	-	(672.281.000)
Số cuối năm	<u>2.494.121.000</u>	<u>2.446.689.650</u>	<u>3.149.988.653</u>	<u>199.395.466</u>	<u>8.290.194.769</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	115.500.000	643.226.445	1.907.286.750	74.785.665	2.740.798.860
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	1.832.958.453	1.320.638.319	2.831.580.809	107.651.443	6.092.829.024
Khấu hao trong năm	203.744.733	242.685.528	288.902.933	34.962.759	770.295.953
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(672.281.000)	-	(672.281.000)
Số cuối năm	<u>2.036.703.186</u>	<u>1.563.323.847</u>	<u>2.448.202.742</u>	<u>142.614.202</u>	<u>6.190.843.977</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	661.162.547	1.126.051.331	990.688.844	91.744.023	2.869.646.745
Số cuối năm	<u>457.417.814</u>	<u>883.365.803</u>	<u>701.785.911</u>	<u>56.781.264</u>	<u>2.099.350.792</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	179.622.500	46.622.500	133.000.000
Khấu hao trong năm	-	28.000.000	-
Số cuối năm	<u>179.622.500</u>	<u>74.622.500</u>	<u>105.000.000</u>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	39.622.500	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TÀI

Địa chỉ: 89 Cách mạng tháng tám, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển sang chi phí	Số cuối năm
Dự án trung tâm kiểm nghiệm nước và thực phẩm – Lotus	1.011.557.881	-	(1.011.557.881)	-
Dự án trung tâm thương mại Củ Chi	173.974.179	2.159.090.909	-	2.333.065.088
Cộng	1.185.532.060	2.159.090.909	(1.011.557.881)	2.333.065.088

15. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH liên doanh khai thác chế biến vật liệu xây dựng An Giang ⁽ⁱ⁾	9.726.558.216	9.726.558.216
Công ty liên doanh tư vấn thiết kế và xây dựng Folec ⁽ⁱⁱ⁾	1.142.024.025	1.142.024.025
Công ty taxi Việt Nam ⁽ⁱⁱⁱ⁾	13.065.363.642	25.055.301.825
Cộng	23.933.945.883	35.923.884.066

⁽ⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600175162, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 09 tháng 3 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH liên doanh khai thác chế biến vật liệu xây dựng An Giang là 9.171.917.009 VND. Công ty đã ghi nhận tăng thêm giá trị đầu tư vào Công ty TNHH liên doanh khai thác chế biến vật liệu xây dựng An Giang với số tiền là 554.641.207 VND theo Quyết định số 04/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 13 tháng 3 năm 2014 của Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước về việc điều chỉnh giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần. Tại ngày kết thúc năm tài chính, giá trị khoản đầu tư là 9.726.558.216 VND tương đương 51% vốn điều lệ. Theo điều lệ, Công ty nắm giữ 51% vốn điều lệ nhưng không có quyền phủ quyết.

⁽ⁱⁱ⁾ Theo Giấy phép đầu tư số 1369/GP ngày 11 tháng 9 năm 1995 do Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư cấp (nay Bộ Kế hoạch và Đầu tư), Công ty đầu tư vào Công ty liên doanh tư vấn thiết kế và xây dựng Folec USD 528,320.00, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư USD70,000, tương đương 4% vốn điều lệ. Công ty này đã giải thể theo Quyết định số 0106/09/QĐ-FV ngày 01 tháng 6 năm 2009 của Tổng Giám đốc Công ty liên doanh tư vấn kỹ thuật và xây dựng Folec.

⁽ⁱⁱⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000346 ngày 24 tháng 10 năm 2008 do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty taxi Việt Nam là 13.065.363.642 VND tương đương USD 900,000, chiếm 30% vốn điều lệ. Trong các năm 2012 và 2013, Công ty đã ghi nhận góp bổ sung vốn điều lệ còn thiếu là 11.989.938.183 VND tương đương USD 600.000 (trong đó, Công ty đã ghi nhận tăng thêm giá trị đầu tư vào Công ty taxi Việt Nam với số tiền là 6.660.578.807 VND theo Quyết định số 28/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 31 tháng 10 năm 2012 của Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước về phê duyệt bổ sung vào giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và 3.287.597.249 VND theo Quyết định số 04/QĐ-ĐTKDV.HĐTV ngày 13 tháng 3 năm 2014 của Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước về việc điều chỉnh giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần từ phần lợi nhuận được chia tính đến ngày 03 tháng 4 năm 2013 từ Công ty taxi Việt Nam). Năm 2014, Hội đồng quản trị của Công ty taxi Việt Nam thông qua Nghị quyết ngày 31 tháng 12 năm 2014 quyết định chia lợi nhuận lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho các bên liên doanh và không tiến hành tăng vốn điều lệ từ USD 3,000,000 lên USD 5,000,000 như Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua ngày 17 tháng 01 năm 2014. Theo đó, Công ty đã tiến hành điều chỉnh giảm lại khoản vốn góp vào Công ty taxi Việt Nam đã tăng trước đây là 11.989.938.183 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 13.065.363.642 VND tương đương USD 900,000, chiếm 30% vốn điều lệ.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TẢI

Địa chỉ: 89 Cách mạng tháng tám, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty liên doanh tư vấn thiết kế và xây dựng Folec.

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	286.679.126	150.818.682	(201.370.783)	236.127.025
Lợi thế kinh doanh	2.331.737.168	-	(548.644.044)	1.783.093.124
Chi phí sửa chữa		311.462.936	(14.005.662)	297.457.274
Cộng	2.618.416.294	462.281.618	(764.020.489)	2.316.677.423

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận cho những khoản mục sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	5.297.024.872	3.087.448.342
Lỗi tính thuế ⁽ⁱ⁾	8.561.903.703	2.136.829.824
Cộng	13.858.928.575	5.224.278.166

(i) Chi tiết lỗi tính thuế chưa sử dụng qua các năm như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lỗi tính thuế năm 2011	85.266.324	85.266.324
Lỗi tính thuế năm 2012	2.051.563.500	2.051.563.500
Lỗi tính thuế năm 2014	6.425.073.879	-
Cộng	8.561.903.703	2.136.829.824

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

19. Tài sản dài hạn khác

Khoản ký quỹ dài hạn về dịch vụ xuất khẩu lao động và kinh doanh lữ hành quốc tế tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

20. Vay và nợ ngắn hạn

Khoản vay Bà Bùi Thị Hiếu để thanh toán công nợ khách hàng thi công các công trình khu vực Quảng Nam. Khoản vay này được ký kết giữa Chi nhánh Công ty tại Đà Nẵng với Bà Bùi Thị Hiếu theo sự ủy quyền của Tổng Giám đốc Công ty.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	6.440.562.000
Số tiền vay đã trả	(3.088.815.090)
Số cuối năm	3.351.746.910

3004
CÔNG
CHÍNH
H TOÁN
A
W-T

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TÀI

Địa chỉ: 89 Cách mạng tháng tám, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nhà cung cấp hoạt động thương mại	12.178.146.538	9.214.302.220
Phải trả nhà cung cấp hoạt động xây lắp	160.000.000	183.828.223
Phải trả nhà cung cấp liên quan đến dự án nhà máy bột giấy	2.219.503.631	2.219.503.631
Cộng	14.557.650.169	11.617.634.074

22. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước về mua hàng hoá, dịch vụ	1.102.396.724	3.385.192.365
Trả trước liên quan đến hợp đồng xây dựng	581.511.568	759.115.062
Trả trước liên quan đến Nhà máy bột giấy Phương Nam	18.012.025.059	18.012.025.059
Cộng	19.695.933.351	22.156.332.486

23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.310.959.524	(1.310.959.524)	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	5.764.473.714	(5.764.473.714)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.672.913.331	(2.672.913.331)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.390.247	-	-	-	38.390.247
Thuế thu nhập cá nhân ^(*)	(322.209.610)	128.889.678	(4.520.268)	-	(197.840.200)
Thuế trên vốn ^(*)	(1.047.841.737)	-	-	-	(1.047.841.737)
Thuế nhà đất	300.000	-	-	(300.000)	-
Các loại thuế khác ^(*)	(3.000.000)	6.000.000	(3.000.000)	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.433.807.194	-	-	-	2.433.807.194
Cộng	1.099.446.094	9.883.236.247	(9.755.866.837)	(300.000)	1.226.515.504

^(*) Các khoản Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.10).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Du lịch nước ngoài, xuất khẩu lao động, xuất khẩu thuyền viên	0%
- Bán phụ tùng xe tải	05%
- Du lịch nội địa, bán phụ tùng xe máy, xây lắp	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22% (năm trước là 25%).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TÀI

Địa chỉ: 89 Cách mạng tháng tám, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.207.101.683)	3.897.670.117
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.287.993.433	2.660.231.224
- Các khoản điều chỉnh giảm	(211.788.748)	(201.124.899)
Thu nhập chịu thuế	2.869.103.002	6.356.776.442
Thu nhập được miễn thuế	(9.294.176.881)	(6.326.099.627)
Lỗi các năm trước được chuyển	-	(30.676.815)
Thu nhập tính thuế	(6.425.073.879)	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	-	-

Các loại thuế và phí khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

24. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 13 và các khoản lương bổ sung phải trả người lao động.

25. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phải trả công trình	2.228.180.724	3.325.526.710
Chi phí khác	227.835.930	200.000.000
Cộng	2.456.016.654	3.525.526.710

26. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	447.811.866	270.898.392
Phải trả về cổ phần hóa	-	1.052.910.011
Phải trả tiền công trình cho đội	11.158.799.572	12.518.193.947
Phải trả liên quan đến hoạt động xuất khẩu ⁽⁰⁾	964.178.980	23.000.000
Phải trả liên quan đến dự án Nhà máy bột giấy Phương Nam	11.517.442.065	11.517.442.065
Lợi nhuận phải trả cho Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	-	7.921.440.998
Lãi chậm nộp phải trả cho Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	3.213.038.810	2.347.247.081
Phải trả phải nộp khác	449.916.693	403.931.262
Cộng	27.751.187.986	36.055.063.756

⁽⁰⁾ Các khoản phải trả phải nộp khác liên quan đến hoạt động xuất khẩu sẽ được Công ty kết chuyển vào thu nhập khi hoàn tất thủ tục thanh lý đơn phương với người lao động bỏ trốn theo quy định của cục quản lý lao động nước ngoài.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TẢI

Địa chỉ: 89 Cách mạng tháng tám, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	-	292.325.259	(292.325.259)	-
Quỹ phúc lợi	-	292.325.259	(292.325.259)	-
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	92.085	-	(92.085)	-
Cộng	92.085	584.650.518	(584.742.603)	-

28. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Long An ⁽ⁱ⁾	2.018.617.000	8.600.000.000
ComfortDelGro (S.E.Asia) Pte Ltd ⁽ⁱⁱ⁾	2.123.553.859	2.100.447.447
Cộng	4.142.170.859	10.700.447.447

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Long An để thi công công trình "Cải tạo nâng cấp Đường tỉnh 839 (ĐT.839)" với lãi suất 8,5 %/năm, thời hạn vay 03 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp bằng vốn ngân sách tỉnh Long An phân bổ cho công trình "Cải tạo nâng cấp Đường tỉnh 839 (ĐT.839), huyện Đức Huệ" hàng năm theo Công văn số 2195/SGTVT-BQLDA ngày 21 tháng 8 năm 2013 của Sở Giao thông Vận tải bảo lãnh vốn vay của Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Long An.

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay ComfortDelGro (S.E.Asia) Pte Ltd để góp vốn vào Công ty taxi Việt Nam với lãi suất 0%.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Cản trừ công nợ	Số cuối năm
Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Long An	8.600.000.000	5.043.000.000	-	(11.624.383.000)	2.018.617.000
ComfortDelGro (S.E.Asia) Pte Ltd	2.100.447.447	-	23.106.412	-	2.123.553.859
Cộng	10.700.447.447	5.043.000.000	23.106.412	(11.624.383.000)	4.142.170.859

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TÀI

Địa chỉ: 89 Cách mạng tháng tám, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

29. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	-	-	-	-	-
Số nhận bàn giao	71.748.063.163	-	-	-	71.748.063.163
Tăng theo kết quả thẩm định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần	6.725.495.935	-	-	-	6.725.495.935
Tăng bù phần vốn Nhà nước còn thiếu	26.440.902	-	-	-	26.440.902
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	3.897.670.117	3.897.670.117
Số dư cuối năm trước	78.500.000.000	-	-	3.897.670.117	82.397.670.117
Số dư đầu năm nay	78.500.000.000	-	-	3.897.670.117	82.397.670.117
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	(1.207.101.683)	(1.207.101.683)
Trích lập các quỹ	-	389.767.011	194.883.506	(1.169.301.035)	(584.650.518)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(2.728.369.082)	(2.728.369.082)
Số dư cuối năm nay	78.500.000.000	389.767.011	194.883.506	(1.207.101.683)	77.877.548.834

Cổ tức

Trong năm Công ty đã chi trả cổ tức là 10.649.810.080 VND (trong đó chi trả khoản cổ tức còn lại của các năm trước năm 2013 là 7.921.440.998 VND và chi trả cổ tức năm 2013 là 2.728.369.082 VND).

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.850.000	7.850.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	7.850.000	7.850.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.850.000	7.850.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.850.000	7.850.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.850.000	7.850.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TÀI

Địa chỉ: 89 Cách mạng tháng tám, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	76.990.436.664	74.126.949.739
- Doanh thu bán hàng hóa	59.956.884.197	36.376.816.815
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.643.880.159	3.226.027.733
- Doanh thu hoạt động xây dựng	2.389.672.308	34.524.105.191
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(93.185.000)	(27.299.000)
- Hàng bán bị trả lại	(93.185.000)	(27.299.000)
Doanh thu thuần	76.897.251.664	74.099.650.739
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	59.956.884.197	36.376.816.815
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	14.550.695.159	3.198.728.733
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	2.389.672.308	34.524.105.191

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã tiêu thụ	59.463.689.135	36.023.979.204
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	12.293.285.152	3.061.894.811
Giá vốn của hoạt động xây dựng ⁽¹⁾	3.135.487.264	34.195.997.931
Cộng	74.892.461.551	73.281.871.946

⁽¹⁾ Giá vốn của hoạt động xây dựng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	1.996.189.160	23.659.105.371
Chi nhân công trực tiếp	53.720.665	2.654.930.000
Chi phí sử dụng máy thi công	38.460.714	4.061.693.338
Chi phí sản xuất chung	1.099.876.865	2.618.203.040
Tổng chi phí sản xuất	3.188.247.404	32.993.931.749
Số nhận bàn giao	-	35.245.075.693
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(225.922.901)	(34.043.009.511)
Nhập khác	173.162.761	-
Giá vốn của hoạt động xây dựng	3.135.487.264	34.195.997.931

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	490.305.793	89.473.359
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	35.969.824	34.324.910
Lãi tiền cho vay	-	856.644.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia ^(*)	9.294.176.881	6.326.099.627
Lãi thanh lý khoản đầu tư dài hạn	-	5.319.055.871
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	28.240.976	1.189.094
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.954.476	2.892.951
Doanh thu tài chính khác	-	1.896.308
Cộng	9.854.647.950	12.631.576.120

^(*) Trong đó khoản lợi nhuận năm nay được chia từ Công ty taxi Việt Nam là 3.020.325.968 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TÀI

Địa chỉ: 89 Cách mạng tháng tám, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
4. Chi phí tài chính		
Lãi chậm thanh toán	865.791.729	660.409.578
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện -	25.054.725	296.154.054
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	287.196.014	335.650.352
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	21.950.000	266.739.200
Chi phí tài chính khác	140.762	386.642
Cộng	1.200.133.230	1.559.339.826
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí cho nhân viên	4.158.013.983	3.258.762.416
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	252.274.857	651.835.255
Chi phí khấu hao tài sản cố định	562.814.141	592.909.146
Chi phí dự phòng	2.181.740.600	(201.124.899)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	974.157.898	525.066.072
Chi phí khác	3.467.738.061	2.008.199.451
Cộng	11.596.739.540	6.835.647.441
6. Thu nhập khác		
Thu nhập từ cho thuê văn phòng và máy móc thiết bị	512.524.364	267.636.363
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	103.181.818	-
Thu nhập từ việc bỏ trốn của người lao động	-	36.768.556
Thu nhập khác	126.184.741	47.891.250
Cộng	741.890.923	352.296.169
7. Chi phí khác		
Kết chuyển vào chi phí dự án trung tâm kiểm nghiệm nước và thực phẩm - Lotus	1.011.557.881	900.000.000
Chi phí khác	18	608.993.698
Cộng	1.011.557.899	1.508.993.698
8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.282.031.292	24.369.037.354
Chi phí nhân công	7.722.835.610	8.051.915.811
Chi phí khấu hao tài sản cố định	798.295.953	782.651.348
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.793.628.358	6.947.003.141
Chi phí khác	6.566.821.438	3.533.569.344
Cộng	28.163.612.651	43.684.176.998

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TẢI

Địa chỉ: 89 Cách mạng tháng tám, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.207.101.683)	3.897.670.117
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(1.207.101.683)	3.897.670.117
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.850.000	7.850.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(154)	497

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch liên quan đến mua sắm tài sản cố định và các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	175.000.000	-
Ứng trước tiền mua tài sản cố định	3.351.300.000	4.613.500.000
Đầu tư vào công ty liên doanh thông qua lợi nhuận được chia	-	5.329.359.376
Hoàn nhập khoản đầu tư vào công ty liên doanh đo không tăng vốn từ lợi nhuận	11.989.938.183	-
Thanh toán nợ vay bằng cách căn trừ công nợ	11.624.383.000	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 27 tháng 3 năm 2015, Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) đã hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng toàn bộ cổ phần đang nắm giữ tại Công ty cổ phần đầu tư phát triển công nghiệp và vận tải cho nhà đầu tư là Ông Ưông Huy Giang.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	664.569.959	447.043.811
Tiền thưởng	180.042.087	224.601.423
Cộng	844.612.046	671.645.234

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TÀI

Địa chỉ: 89 Cách mạng tháng tám, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	Cổ đông chiếm 68,014% vốn điều lệ
Công ty TNHH liên doanh khai thác chế biến vật liệu xây dựng An Giang	Công ty liên kết chiếm 51% vốn điều lệ
Công ty liên doanh tư vấn thiết kế và xây dựng Folec	Công ty liên kết chiếm 30% vốn điều lệ
Công ty taxi Việt Nam	Công ty liên kết chiếm 30% vốn điều lệ

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước		
Lãi chậm nộp phải trả	865.791.729	272.493.390
Công ty TNHH liên doanh khai thác chế biến vật liệu xây dựng An Giang		
Doanh thu cho thuê máy đào	76.363.632	76.363.632
Lợi nhuận được chia	7.834.692.141	4.176.696.000
Công ty taxi Việt Nam		
Lợi nhuận được chia	1.349.354.040	11.989.938.183

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thoả thuận. Việc cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được thực hiện theo giá thoả thuận.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH liên doanh khai thác chế biến vật liệu xây dựng An Giang		
Lợi nhuận được chia	4.850.000.000	2.829.696.000
Công ty taxi Việt Nam		
Lợi nhuận được chia	14.494.292.223	1.155.000.000
Phải thu khoản cho vay	1.647.000.000	1.647.000.000
Cộng nợ phải thu	20.991.292.223	5.631.696.000
Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước		
Lợi nhuận phải trả	-	7.921.440.998
Lãi chậm nộp phải trả	3.213.038.810	2.347.247.081
Phải trả về cổ phần hóa	-	1.052.910.011
Cộng nợ phải trả	3.213.038.810	11.321.598.090

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Chi phí lãi vay vốn hoá

Chi phí lãi vay vốn hoá đối với các khoản vốn vay riêng biệt phát sinh trong năm là 446.309.372 VND (năm trước là 659.136.369 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TÀI

Địa chỉ: 89 Cách mạng tháng tám, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.990.344.535	-	-	4.990.344.535
Phải thu khách hàng	7.087.186.450	20.573.493.280	1.813.623.942	29.474.303.672
Các khoản phải thu khác	24.821.563.850	-	-	24.821.563.850
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	671.246.440	-	706.489.200	1.377.735.640
Cộng	37.570.341.275	20.573.493.280	2.520.113.142	60.663.947.697
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.628.805.166	-	-	3.628.805.166
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	11.000.000.000	-	-	11.000.000.000
Phải thu khách hàng	45.999.641.402	-	1.813.623.942	47.813.265.344
Các khoản phải thu khác	9.149.341.083	-	-	9.149.341.083
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	671.246.440	-	706.489.200	1.377.735.640
Cộng	70.449.034.091	-	2.520.113.142	72.969.147.233

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TẢI

Địa chỉ: 89 Cách mạng tháng tám, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết thời gian quá hạn của các khoản phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quá hạn trên 01 năm đến dưới 02 năm	695.843.021	-
Quá hạn trên 02 năm đến dưới 03 năm	13.685.714.447	-
Quá hạn trên 03 năm	6.191.935.812	-
Cộng	20.573.493.280	-

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm			
Vay và nợ	3.410.343.273	4.142.170.859	7.552.514.132
Phải trả người bán	14.557.650.169	-	14.557.650.169
Các khoản phải trả khác	15.922.495.785	-	15.922.495.785
Cộng	33.890.489.227	4.142.170.859	38.032.660.086
Số đầu năm			
Vay và nợ	7.011.168.164	10.849.267.310	17.860.435.474
Phải trả người bán	11.617.634.074	-	11.617.634.074
Các khoản phải trả khác	23.039.040.155	-	23.039.040.155
Cộng	41.667.842.393	10.849.267.310	52.517.109.703

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá cổ phiếu và rủi ro giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa, nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TÀI

Địa chỉ: 89 Cách mạng tháng tám, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	781,30	616,75	741,65	616,75
Vay và nợ	(99.382,42)	-	(99.382,42)	-
Phải trả người bán	(558.923,95)	-	(434.038,00)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(657.525,07)	616,75	(532.678,77)	616,75

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tài sản/(Nợ phải trả) thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay dài hạn có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Công cụ tài chính có lãi suất thị trường của Công ty chỉ có khoản vay dài hạn. Số dư khoản vay dài hạn có lãi suất thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 2.018.617.000 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 8.600.000.000 VND).

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ vay thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá cổ phiếu đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TÀI

Địa chỉ: 89 Cách mạng tháng tám, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.990.344.535	-	3.628.805.166	-	4.990.344.535	3.628.805.166
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	11.000.000.000	-	-	11.000.000.000
Phải thu khách hàng	29.474.303.672	(1.813.623.942)	47.813.265.344	(1.813.623.942)	27.660.679.730	45.999.641.402
Các khoản phải thu khác	24.821.563.850	-	9.149.341.083	-	24.821.603.850	9.149.341.083
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.377.735.640	(288.689.200)	1.377.735.640	(266.739.200)	1.089.046.440	1.110.996.440
Cộng	60.663.947.697	(2.102.313.142)	72.969.147.233	(2.080.363.142)	58.561.674.555	70.888.784.091

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	7.493.917.769	17.141.009.447	7.493.917.769
Phải trả người bán	14.557.650.169	11.617.634.074	14.557.650.169	11.617.634.074
Các khoản phải trả khác	15.922.495.785	23.039.040.155	15.922.495.785	23.039.040.155
Cộng	37.974.063.723	51.797.683.676	37.974.063.723	51.797.683.676

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản vay dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Giá trị hợp lý của khoản này tương đương giá trị sổ sách do ảnh hưởng của việc chiết khấu là không đáng kể.

13-C
TY
HỮU H
TU VÀ
C
HO C

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP VÀ VẬN TẢI

Địa chỉ: 89 Cách mạng tháng tám, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2015



Nguyễn Văn Bắc
Người lập biểu



Lê Hồng Nguyễn
Kế toán trưởng



Lê Chí Thành
Tổng Giám đốc

